

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03 – 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/03/2016
Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11/03/2016
Ông Đỗ Văn Trắc	Phó chủ tịch	
Ông Hoàng Trí Cường	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/03/2016
Ông Đỗ Thanh Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/03/2016
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/03/2016

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2016
Ông Đỗ Văn Trắc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/04/2016
Ông Nguyễn Văn Kiềm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Đỗ Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2016

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Anh Vương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Số: 081 /VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 08 năm 2016, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
				(Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		185.797.956.943	83.262.234.218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		77.150.179.606	1.394.769.239
1. Tiền	111	5	36.150.179.606	1.394.769.239
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	7.552.096.084	10.604.484.084
1. Chứng khoán kinh doanh	121		13.052.210.147	18.307.878.147
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.500.114.063)	(7.703.394.063)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.328.109.349	69.720.274.437
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	41.655.337.652	51.137.688.353
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		150.000.000	868.900.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	6.500.000.000	8.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	51.022.771.697	9.713.686.084
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.767.571.904	1.542.706.458
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		224.865.446	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.542.706.458	1.542.706.458
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.802.694.956.802	2.504.375.970.812
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	7	218.414.397.309	254.158.079.918
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		218.414.397.309	254.158.079.918
II. Tài sản cố định	220		15.275.957.122	15.038.059.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.896.607.122	12.658.709.250
- Nguyên giá	222		31.478.226.547	30.528.226.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.581.619.425)	(17.869.517.297)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.379.350.000	2.379.350.000
- Nguyên giá	228		2.379.350.000	2.379.350.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	13	11.211.821.819	11.211.821.819
- Nguyên giá	231		11.211.821.819	11.211.821.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	3.876.000.000	2.976.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.876.000.000	2.976.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.552.711.321.157	2.220.071.228.007
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.914.800.000.000	1.877.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		620.447.877.400	330.208.041.850
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.500.000.000	76.130.635.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(49.036.556.243)	(64.167.449.343)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.205.459.395	920.781.818
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.205.459.395	920.781.818
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.988.492.913.745	2.587.638.205.030

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01a-DN Đơn vị: VND	
			30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		555.152.732.729	177.283.993.278
I. Nợ ngắn hạn	310		554.312.980.379	177.283.993.278
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	26.785.588.242	37.083.463.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		78.295.000	86.124.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	103.125.146	1.205.498.182
4. Phải trả người lao động	314		1.502.949.523	1.912.629.733
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		63.636.364	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	14.696.061.416	4.148.650.324
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	510.956.454.566	132.883.657.371
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		126.870.122	(36.029.878)
II. Nợ dài hạn	330		839.752.350	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		839.752.350	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.433.340.181.016	2.410.354.211.752
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2.433.340.181.016	2.410.354.211.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.802.353.360.000	1.802.353.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.802.353.360.000	1.802.353.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		406.943.449.943	406.943.449.943
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		150.829.313.956	150.829.313.956
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.214.057.117	50.228.087.853
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		49.878.087.853	16.496.472.862
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.335.969.264	33.731.614.991
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.988.492.913.745	2.587.638.205.030

Nguyễn Văn Trường
 Người lập biểu

Đào Ngọc Quyết
 Kế toán trưởng



Trần Anh Vương
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 02a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	19	1.065.133.679	33.140.511.581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.065.133.679	33.140.511.581
4. Giá vốn hàng bán	11	20	128.710.772	31.362.914.499
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		936.422.907	1.777.597.082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	38.493.314.697	19.496.100.481
7. Chi phí tài chính	22	23	9.591.867.409	(2.134.041.419)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.658.364.610	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	188.848.441	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	6.453.259.654	8.964.396.487
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.195.762.100	14.443.342.495
11. Thu nhập khác	31	25	527.048.204	1.050.000.000
12. Chi phí khác	32		386.841.040	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		140.207.164	1.050.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.335.969.264	15.493.342.495
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		23.335.969.264	15.493.342.495



Nguyễn Văn Trường
 Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết
 Kế toán trưởng




Trần Anh Vương
 Tổng Giám đốc


Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU SỐ B 03a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	15.798.274.428	42.392.608.394
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(9.762.542.384)	(26.438.634.800)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.987.604.860)	(3.631.968.266)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.201.380.411)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(220.874.860)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	694.990.250	179.441.600
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(52.506.381.414)	(4.306.248.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(50.964.644.391)	7.974.323.315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(836.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(64.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(451.275.972.000)	(11.800.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	171.722.320.000	400.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	409.706.758	85.790.771.351
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(278.479.945.242)	9.890.771.351
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	502.000.000.000	29.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(96.800.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(66.875.580.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	405.200.000.000	(37.875.580.950)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	75.755.410.367	(20.010.486.284)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.394.769.239	26.210.458.638
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	77.150.179.606	6.199.972.354


 Nguyễn Văn Trường
 Người lập biểu


 Đào Ngọc Quyết
 Kế toán trưởng



 Trần Anh Vương
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (gọi tắt: "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo quyết định số 995/1997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 02 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ 059162 cấp ngày 30/03/1998 và thay đổi lần thứ 21 ngày 29/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 29 tháng 04 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 1.802.353.360.000 VND, tương đương 180.235.336 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	39.470.231	394.702.310.000	21,90%
Ông Đỗ Văn Trắc	9.060.467	90.604.670.000	5,03%
Cổ đông khác	131.704.638	1.317.046.380.000	73,07%
Cộng	180.235.336	1.802.353.360.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SAM.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/6/2016 là 14 người (tại ngày 01/01/2016 là 11 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của công ty là: Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dung quấn dây cáp). Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại. Cho thuê văn phòng. Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh sân golf. Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bên liên quan

Bên liên quan của công ty gồm các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết, Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con

Đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của công ty
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Đồng Nai	99,40%	99,40%
- Công ty Cổ phần Sacom – Tuyên Lâm	Lâm Đồng	99,76%	99,76%
- Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	TP Hồ Chí Minh	73,75%	73,75%
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Đồng Nai	99,90%	99,90%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của công ty</u>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ	TP Hồ Chí Minh	28,98%	28,98%
- Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú	Đồng Nai	25,10%	25,10%
- Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường	Đồng Nai	32,54%	32,54%
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	TP Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền; các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác; các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC, Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Riêng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ, tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu thập được số liệu báo cáo tài chính của công ty này, nhưng bằng tất cả sự hiểu biết của mình, Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ trong kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2016 đến ngày 30/6/2016 là có lãi, và tại thời điểm 30/6/2016 công ty này không có lỗ lũy kế và do đó không cần trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-15
Máy móc, thiết bị	06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không được phân bổ do thời gian sử dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Đối tượng

- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom
- Công ty Cổ phần Sacom – Tuyên Lâm
- Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ
- Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú
- Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty

Mối quan hệ

- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Quản lý chủ chốt

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	15.059	215.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.150.164.547	1.394.554.180
Tương đương tiền	41.000.000.000	-
	<u>77.150.179.606</u>	<u>1.394.769.239</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall (WSS)	-	-	-	9.302.000.000	2.232.480.000	7.069.520.000
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển (VAF)	1.762.360.000	-	1.762.360.000	1.762.360.000	-	1.762.360.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	3.112.400.000	29.200.000	3.083.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	933.932.000	-	933.932.000	-	-	-
Công ty cổ phần Alphanam	7.243.518.147	5.470.914.063	1.772.604.084	7.243.518.147	5.470.914.063	1.772.604.084
	13.052.210.147	5.500.114.063	7.552.096.084	18.307.878.147	7.703.394.063	10.604.484.084

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 30/06/2016 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư tài chính dài hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty con	1.914.800.000.000	42.951.414.481	1.871.848.585.519	1.877.900.000.000	27.894.686.692	1.850.005.313.308
+ Công ty cổ phần Địa ốc Sacom	400.000.000.000	-	400.000.000.000	400.000.000.000	-	400.000.000.000
+ Công ty cổ phần Sacom Tuyển Lâm	897.300.000.000	27.900.471.429	869.399.528.571	860.400.000.000	14.450.645.993	845.949.354.007
+ Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	118.000.000.000	15.050.943.052	102.949.056.948	118.000.000.000	13.444.040.699	104.555.959.301
+ Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom	499.500.000.000	-	499.500.000.000	499.500.000.000	-	499.500.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	620.447.877.400	6.085.141.762	614.362.735.638	330.208.041.850	26.642.127.151	303.565.914.699
+ Công ty Liên doanh Cáp Taihan-Sacom	-	-	-	133.736.136.450	20.612.622.327	113.123.514.123
+ Cty CP Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ	423.975.972.000	-	423.975.972.000	-	-	-
+ Công ty cổ phần Nhựa Sam Phú	8.281.805.400	4.815.805.065	3.466.000.335	8.281.805.400	4.815.805.065	3.466.000.335
+ Công ty cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	12.005.100.000	-	12.005.100.000	12.005.100.000	-	12.005.100.000
+ Công ty cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	176.185.000.000	1.269.336.697	174.915.663.303	176.185.000.000	1.213.699.759	174.971.300.241
- Đầu tư vào đơn vị khác	66.500.000.000	-	66.500.000.000	76.130.635.500	9.630.635.500	66.500.000.000
+ Công ty cổ phần Du lịch Bưu Điện	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
+ Công ty cổ phần Momota	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
+ Công ty TNHH Thăng Long	-	-	-	9.630.635.500	9.630.635.500	-
+ Dự án Khu dân cư Nhơn Trạch	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
	2.601.747.877.400	49.036.556.243	2.552.711.321.157	2.284.238.677.350	64.167.449.343	2.220.071.228.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

<u>Tên công ty</u>	<u>Nội thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (i)	Đồng Nai	99,40%	99,40%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Sacom – Tuyền Lâm (ii)	Lâm Đồng	99,76%	99,76%	Kinh doanh khu du lịch, sân golf
- Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng (ii)	TP Hồ Chí Minh	73,75%	73,75%	Cho thuê mặt bằng làm văn phòng
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom (i)	Đồng Nai	99,90%	99,90%	Sản xuất dây cáp
Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ (i)	TP Hồ Chí Minh	28,98%	28,98%	Kinh doanh du lịch, sân vận động
- Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (iii)	Đồng Nai	25,10%	25,10%	Sản xuất nhựa
- Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường (i)	Đồng Nai	32,54%	32,54%	Sản xuất các vật liệu điện và viễn thông
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú (ii)	TP Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Kinh doanh Bất động sản

- (i) Trong năm, các công ty hoạt động có lãi và không có lỗ lũy kế nên không thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.
- (ii) Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản đầu tư này.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú hiện tại đã ngưng hoạt động và chờ thụ tục giải thể theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2014 của Công ty Sam Phú. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, công ty không xem xét trích lập thêm dự phòng cho khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn	41.655.337.652	51.137.688.353
- Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (i)	41.641.382.197	51.137.688.353
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	13.955.455	-
b) Phải thu của khách hàng dài hạn là bên liên quan	218.414.397.309	254.158.079.918
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (i)	218.414.397.309	254.158.079.918
	<u>260.069.734.961</u>	<u>305.295.768.271</u>

(i) Khoản phải thu với công ty Cổ phần Địa ốc Sacom liên quan đến dự án nhà Giai Việt mà Công ty đã bán và ghi nhận doanh thu trong năm 2015.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	6.500.000.000	8.000.000.000
	<u>6.500.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn bên liên quan	362.747.782	-	10.056.800	-
Công ty TNHH Sacom Chíp sáng	356.813.332	-	-	-
Công ty Cổ phần Dây Và Cáp Sacom	2.581.800	-	10.056.800	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Sacom	3.352.650	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	50.660.023.915	-	9.703.629.284	-
Phải thu nộp tiền mua cổ phần				
Công ty Phú Thọ	-	-	9.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)	1.258.376.598	-	12.234.608	-
Đặt cọc Công ty Cổ Phần Đầu tư Toàn Cầu (i)	49.400.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.594.676	-	91.394.676	-
Phải thu khác	52.641	-	-	-
	<u>51.022.771.697</u>	<u>-</u>	<u>9.713.686.084</u>	<u>-</u>

(i) Đây là khoản đặt cọc chuyển nhượng cổ phần của Công ty với Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Cầu để mua lại 4.500.000 cổ phần của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và phát triển hạ tầng An Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.542.706.458	-	-	1.542.706.458
	1.542.706.458	-	-	1.542.706.458
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.120.564.811	250.604.074	(1.371.168.885)	-
Thuế thu nhập cá nhân	84.933.371	1.061.309.617	(1.043.117.842)	103.125.146
	1.205.498.182	1.311.913.691	(2.414.286.727)	103.125.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	27.192.968.976	-	1.966.115.091	1.369.142.480	30.528.226.547
- Mua trong năm	-	950.000.000	-	-	950.000.000
Tại ngày 30/06/2016	27.192.968.976	950.000.000	1.966.115.091	1.369.142.480	31.478.226.547
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	14.534.259.726	-	1.966.115.091	1.369.142.480	17.869.517.297
- Khấu hao trong năm	632.935.462	79.166.666	-	-	712.102.128
Tại ngày 30/06/2016	15.167.195.188	79.166.666	1.966.115.091	1.369.142.480	18.581.619.425
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	12.658.709.250	-	-	-	12.658.709.250
Tại ngày 30/06/2016	12.025.773.788	870.833.334	-	-	12.896.607.122

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 với giá trị là 15.242.026.923 VND (tại ngày 31/12/2015 là 15.242.026.923 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	<u>2.379.350.000</u>	<u>2.379.350.000</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>2.379.350.000</u>	<u>2.379.350.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	-	-
Tại ngày 30/06/2016	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	<u>2.379.350.000</u>	<u>2.379.350.000</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>2.379.350.000</u>	<u>2.379.350.000</u>

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng 480 m² đất tại số 152/11B Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	<u>11.211.821.819</u>	<u>11.211.821.819</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>11.211.821.819</u>	<u>11.211.821.819</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	-	-
Tại ngày 30/06/2016	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	<u>11.211.821.819</u>	<u>11.211.821.819</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>11.211.821.819</u>	<u>11.211.821.819</u>

Bất động sản đầu tư này là lô đất của Công ty với tổng diện tích 65.492 m² tại Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Dự án KDC Bình Thắng	3.876.000.000	2.976.000.000

Dự án KDC Bình Thắng là dự án chuyển từ nhà máy cũ sang cải tạo, để xây dựng xây chung cư theo nội dung thiết kế quy hoạch chi tiết 1/500.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	55.000.000	55.000.000	8.786.044.100	8.786.044.100
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	55.000.000	55.000.000	8.786.044.100	8.786.044.100
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	26.730.588.242	26.730.588.242	28.297.418.946	28.297.418.946
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Công Ty Cổ Phần Cấp - Nhựa Vinh Khánh	-	-	527.048.204	527.048.204
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Quản lý Dự án Hồng Ngọc	543.600.000	543.600.000	-	-
Các đối tượng khác	25.786.988.242	25.786.988.242	27.370.370.742	27.370.370.742
	26.785.588.242	26.785.588.242	37.083.463.046	37.083.463.046

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan	11.254.619.444	451.220.944
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	3.796.875.000	52.276.500
Công ty Cổ phần Sacom Tuyên Lâm	5.824.244.444	-
Công ty Cổ phần Dây và Cấp Sacom	1.633.500.000	398.944.444
Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	3.441.441.972	3.697.429.380
Kinh phí công đoàn;	35.735.560	21.436.920
Bảo hiểm xã hội	-	5.542.080
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.381.698.324	1.381.698.324
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	415.333.333	2.248.784.000
Công ty TNHH Thương mại Techno Việt Nam	-	-
Hanyoung Nux Co.,Ltd	138.592.350	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Thiên An	81.000.000	-
Hyewon	99.123.750	-
Kim Kyumoon	19.824.750	-
Công ty TNHH Splash Interactive	242.838.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.027.295.905	39.968.056
	14.696.061.416	4.148.650.324

Các khoản phải trả ngắn hạn khác với bên liên quan là các khoản công ty chi hộ tiền điện cho các bên liên quan và chi phí lãi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		30/06/2016	
	Số có khả năng trả				Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn bên liên quan	132.883.657.371	132.883.657.371	438.000.000.000	(96.800.000.000)	474.083.657.371	474.083.657.371
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	110.000.000.000	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom (ii)	41.000.000.000	41.000.000.000	8.000.000.000	(8.000.000.000)	41.000.000.000	41.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sacom Tuyền Lâm (iii)	-	-	320.000.000.000	(88.800.000.000)	231.200.000.000	231.200.000.000
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hiệp Phú (iv)	61.883.657.371	61.883.657.371	-	-	61.883.657.371	61.883.657.371
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	-	-	64.000.000.000	(27.127.202.805)	36.872.797.195	36.872.797.195
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (v)	-	-	64.000.000.000	(27.127.202.805)	36.872.797.195	36.872.797.195
	132.883.657.371	132.883.657.371	502.000.000.000	(123.927.202.805)	510.956.454.566	510.956.454.566

- (i) Gồm các khoản vay theo hợp đồng cho vay vốn số 250/2015/SACOM/HĐVV ngày 29/12/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom với số tiền 30 tỷ đến ngày 29/09/2016; hợp đồng số 01/2016/SACOM/HĐVV ngày 06/01/2016 với số tiền 20 tỷ với thời hạn vay 6 tháng; hợp đồng số 02/2016/SACOM/HĐVV ngày 11/01/2016 với số tiền 45 tỷ trong 12 tháng; hợp đồng số 03/2016/SACOM/HĐVV ngày 27/05/2016 với số tiền 45 tỷ trong thời gian 3 tháng. Tất cả các hợp đồng vay đều có lãi suất 7.5%/ năm và không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Gồm các khoản vay theo hợp đồng số 01/2015/SDC-SACOM/HĐVV ngày 08/09/2015 với Công ty Cổ Phần Dây và Cáp Sacom với số tiền là 5 tỷ đến ngày 08/06/2017, đồng số 02/2015/SDC-SACOM/HĐVV ngày 23/10/2015 với số tiền 36 tỷ trong 9 tháng và số tiền trả gốc vay mỗi tháng là 10 tỷ, bắt đầu từ tháng 12/2015 cho đến khi trả hết tiền gốc vay. Các khoản vay có lãi suất 6%/ năm và không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 03/2016/SAM-SCTL/HĐVV ngày 06/04/2016 với Công ty Cổ Phần Tuyền Lâm. Số tiền trên hợp đồng là 317 tỷ, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9.5%/năm. Số tiền lãi được tính theo kỳ ba tháng một lần. Hợp đồng không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay số 01/HP2015/SAM ngày 31/07/2015 với Công ty Cổ Phần Bất động sản Hiệp Phú. Số tiền vay trên hợp đồng là: 61.883.657.371 đồng trong 12 tháng từ ngày 31/07/2015 đến ngày 31/07/2016, lãi suất 0%, không có tài sản đảm bảo.
- (v) Đây là khoản vay với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) với tổng số tiền vay 64 tỷ trong 12 tháng. Mục đích khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có tài sản bảo đảm là khoản phải thu liên quan đến dự án Nhà Giai Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2015	1.307.984.320.000	901.532.493.943	150.829.313.956	83.930.071.437	2.444.276.199.336
Tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	494.369.040.000	(494.369.040.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	33.731.614.991	33.731.614.991
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2014	-	-	-	(69.274.572.575)	(69.274.572.575)
Trích quỹ từ lợi nhuận 2014	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Tăng/ (Giảm) khác	-	(220.004.000)	-	2.540.974.000	2.320.970.000
Số dư tại 01/01/2016	1.802.353.360.000	406.943.449.943	150.829.313.956	50.228.087.853	2.410.354.211.752
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.335.969.264	23.335.969.264
Trích quỹ trong năm (i)	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số dư tại 30/06/2016	1.802.353.360.000	406.943.449.943	150.829.313.956	73.214.057.117	2.433.340.181.016

- (i) Công ty thực hiện trích quỹ chính sách xã hội theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 82/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2016.

Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	180.235.336	180.235.336
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	180.235.336	180.235.336
+ Cổ phiếu phổ thông	180.235.336	180.235.336
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	180.235.336	180.235.336
+ Cổ phiếu phổ thông	180.235.336	180.235.336
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Vốn góp VND	Tỉ lệ %	Vốn góp VND	Tỉ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	394.702.310.000	21,90%	277.648.650.000	15,40%
Ông Đỗ Văn Trắc	90.604.670.000	5,03%	90.604.670.000	5,03%
Các cổ đông khác	1.317.046.380.000	73,07%	1.434.100.040.000	79,57%
	1.802.353.360.000	100,00%	1.802.353.360.000	100,00%

19. DOANH THU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ liên quan	1.065.133.679	608.645.581
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	32.531.866.000
	1.065.133.679	33.140.511.581

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	128.710.772	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	31.362.914.499
	128.710.772	31.362.914.499

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.563.828	-
Chi phí nhân công	3.676.058.145	4.396.767.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	712.102.128	152.098.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.011.246.325	1.584.038.606
Chi phí khác bằng tiền	193.848.441	2.831.491.830
	6.770.818.867	8.964.396.487

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	419.013.147	503.772.158
Lãi bán các khoản đầu tư	37.986.183.550	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.118.000	18.992.328.323
	38.493.314.697	19.496.100.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.658.364.610	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.608.380.000	339.980.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.703.537.600)	(2.487.579.916)
Chi phí tài chính khác	28.660.399	13.558.497
	9.591.867.409	(2.134.041.419)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	177.563.828	-
Chi phí nhân công	3.676.058.145	4.396.767.198
Chi phí khấu hao TSCĐ	583.391.356	152.098.853
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.011.246.325	1.584.038.606
Chi phí khác	-	2.826.491.830
	6.453.259.654	8.964.396.487
b) Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí môi giới	188.848.441	-
	188.848.441	-

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.050.000.000
Xử lý công nợ phải trả	527.048.204	-
	527.048.204	1.050.000.000

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	23.335.969.264	15.493.342.495
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	(23.335.969.264)	(18.992.328.323)
Cộng: chi phí không được trừ (i)	1.509.507.707	-
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(88.118.000)	(18.992.328.323)
Chuyển lỗ các năm trước	(24.757.358.971)	-
Thu nhập chịu thuế	-	(3.498.985.828)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

(i) Chi phí không được trừ bao gồm: Thù lao Hội đồng quản trị không tham gia điều hành công ty và tiền phạt chậm nộp VAT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Số lỗ còn được chuyển tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ (VND)	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2015	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ
						còn được chuyển
2011	224.439.220.486	2012 - 2016	192.006.606.716	32.432.613.770	24.700.692.304	7.731.921.466
2013	1.193.766.978	2014 - 2018	1.022.126.468	171.640.510	-	171.640.510
2014	704.427.244	2015 - 2019	-	704.427.244	-	704.427.244
	226.337.414.708		193.028.733.184	33.308.681.524	24.700.692.304	8.607.989.220

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản vay	510.956.454.566	132.883.657.371
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(77.150.179.606)	(1.394.769.239)
Nợ thuần	433.806.274.960	131.488.888.132
Vốn chủ sở hữu	<u>2.435.061.778.860</u>	<u>2.417.015.948.057</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>17,82%</u>	<u>5,44%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.150.179.606	1.394.769.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	311.092.506.658	315.009.454.355
Phải thu cho vay ngắn hạn	6.500.000.000	8.000.000.000
Đầu tư tài chính	74.052.096.084	77.104.484.084
	468.794.782.348	401.508.707.678
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	510.956.454.566	132.883.657.371
Phải trả người bán và phải trả khác	29.609.915.804	40.753.913.426
	540.630.006.734	173.637.570.797

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.150.179.606	-	77.150.179.606
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.678.109.349	218.414.397.309	311.092.506.658
Phải thu cho vay ngắn hạn	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Đầu tư tài chính	7.552.096.084	66.500.000.000	74.052.096.084
Tổng cộng	183.880.385.039	284.914.397.309	468.794.782.348
Tại 30/06/2016			
Các khoản vay	510.956.454.566	-	510.956.454.566
Phải trả người bán và phải trả khác	28.770.163.454	839.752.350	29.609.915.804
Tổng cộng	539.790.254.384	839.752.350	540.630.006.734
Chênh lệch thanh khoản thuần	(355.909.869.345)	284.074.644.959	(71.835.224.386)
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.394.769.239	-	1.394.769.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.851.374.437	254.158.079.918	315.009.454.355
Phải thu cho vay ngắn hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Đầu tư tài chính	10.604.484.084	66.500.000.000	77.104.484.084
Tổng cộng	80.850.627.760	320.658.079.918	401.508.707.678
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	132.883.657.371	-	132.883.657.371
Phải trả người bán và phải trả khác	40.753.913.426	-	40.753.913.426
Tổng cộng	173.637.570.797	-	173.637.570.797
Chênh lệch thanh khoản thuần	(92.786.943.037)	320.658.079.918	227.871.136.881

Chênh lệch thanh khoản thuần tại ngày 30/06/2016 có giá trị âm 355.909.869.345 đồng, tuy nhiên trong đó đã bao gồm các khoản vay từ công ty con với tổng giá trị 510.956.454.566 đồng. Việc thanh toán các khoản vay này được Ban Giám đốc chủ động sắp xếp hoàn trả theo lịch điều phối vốn nội bộ. Vì thế, Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày trong thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 15, 16, 17; công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u>
	<u>đến 30/06/2016</u>	<u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ		
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	423.975.972.000	-

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u>
	<u>đến 30/06/2016</u>	<u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập Ban Tổng Giám Đốc	2.478.356.099	2.174.679.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN


29. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác.

Một số khoản mục đã được trình bày lại như sau:

	01/01/2016 (Trình bày lại)	31/12/2015 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch	
Chứng khoán kinh doanh	18.307.878.147	11.064.360.000	7.243.518.147	(i)
Đầu tư tài chính dài hạn	76.130.635.500	83.374.153.647	(7.243.518.147)	(i)
Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	-	(1.427.610.000)	1.427.610.000	(ii)
Hao mòn lũy kế bất động sản đầu tư	-	(1.113.364.000)	1.113.364.000	(ii)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(7.703.394.063)	(2.232.480.000)	(5.470.914.063)	(iii)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(64.167.449.343)	(69.638.363.406)	5.470.914.063	(iii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	16.496.472.862	13.955.498.862	2.540.974.000	

- (i) Phân loại lại khoản đầu tư tài chính dài hạn sang chứng khoán kinh doanh
- (ii) Tài sản cố định vô hình và Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn và theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản Cố định Vô hình", các khoản này không trích khấu hao. Do đó, số hao mòn lũy kế đã được điều chỉnh hồi tố, giảm hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư và tăng lợi nhuận giữ lại với số tiền lần lượt là 1.427.610.000 và 1.113.364.000 để phù hợp với quy định nêu trên.
- (iii) Phân loại lại dự phòng từ dài hạn sang ngắn hạn.


 Nguyễn Văn Trường
 Người lập biểu


 Đào Ngọc Quyết
 Kế toán trưởng


 Trần Anh Vương
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016